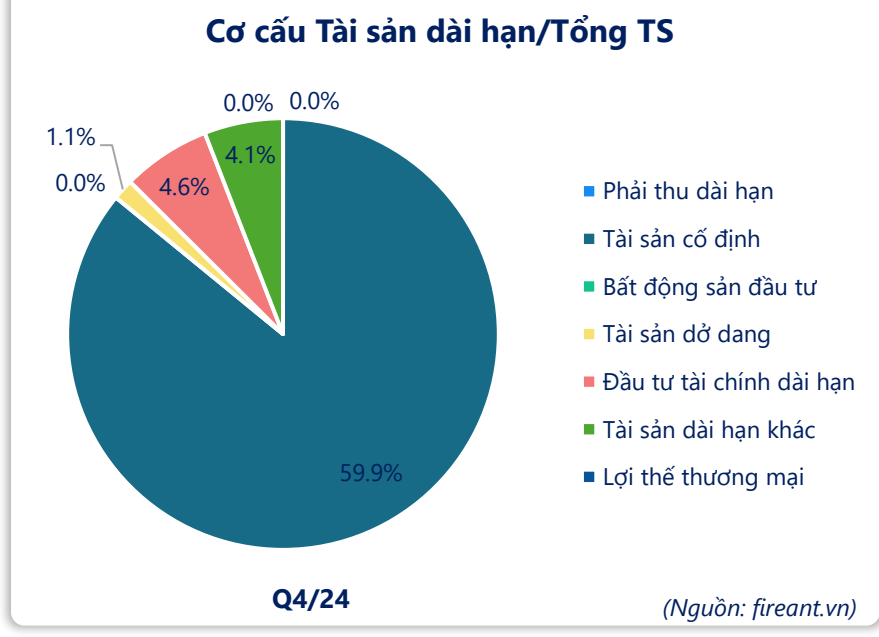
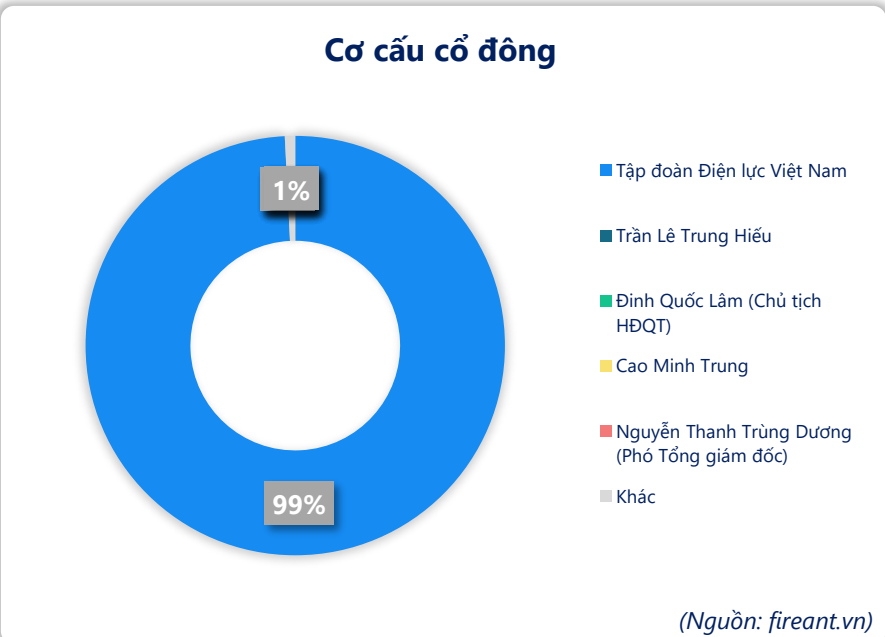
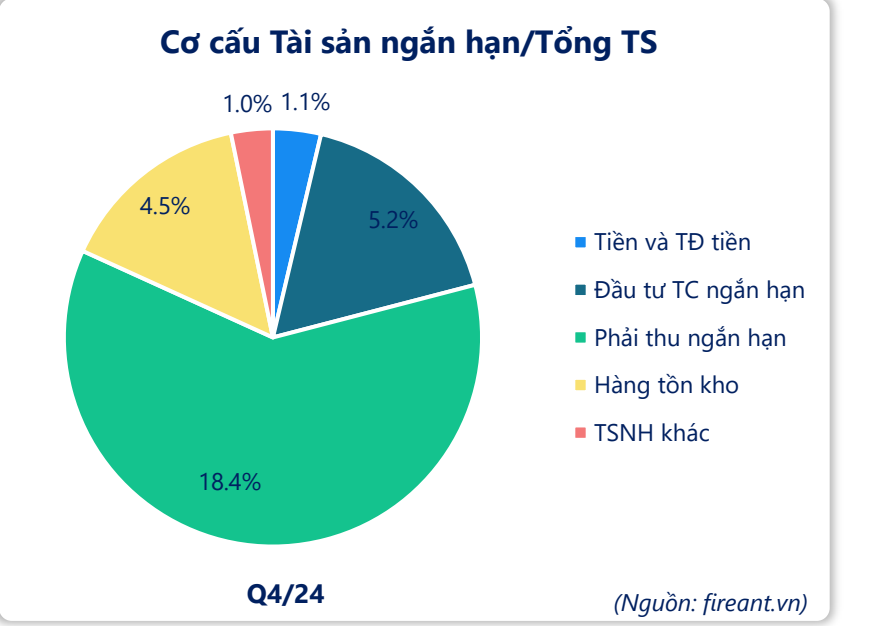
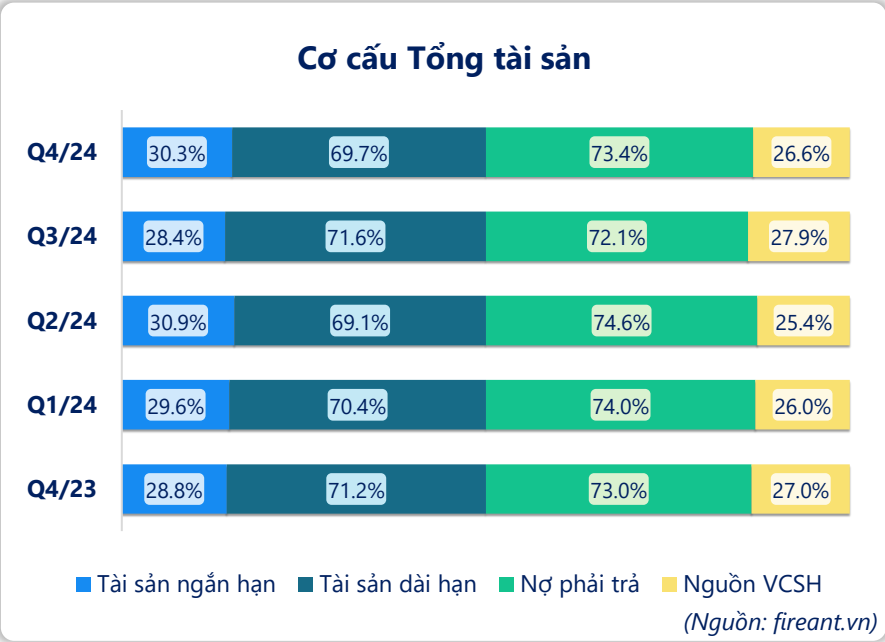
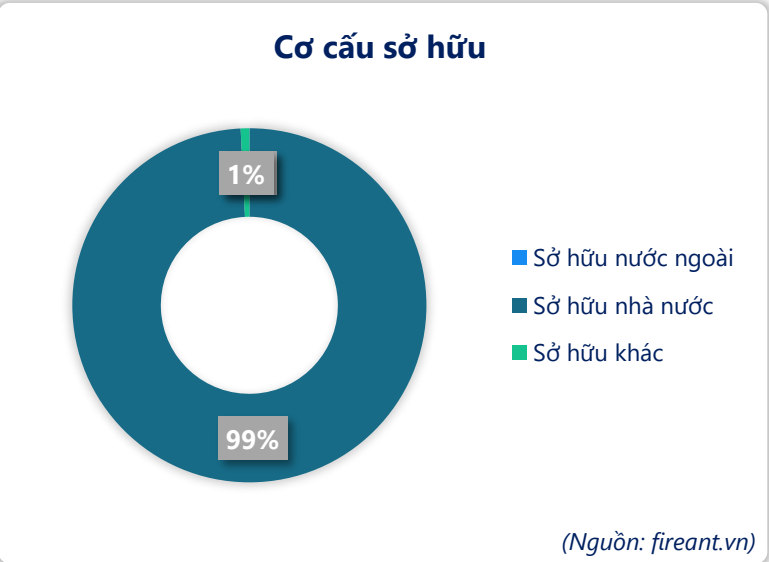
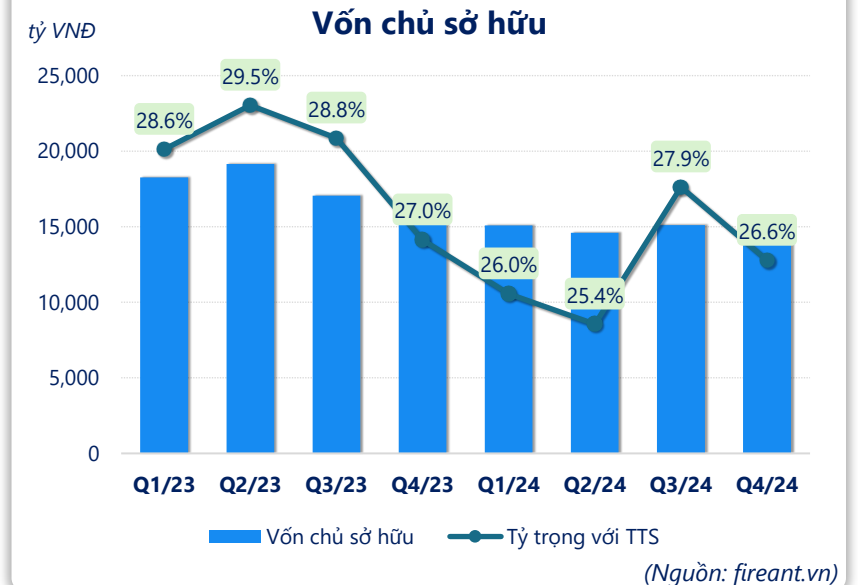
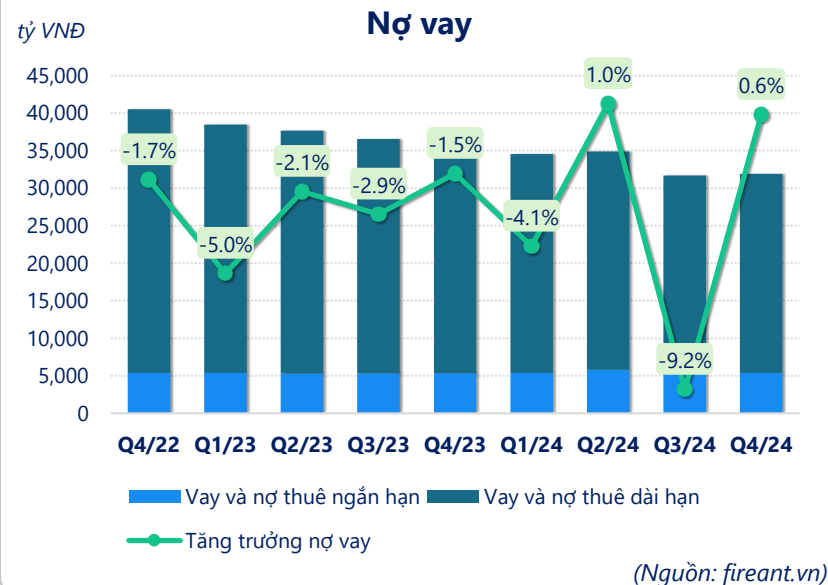
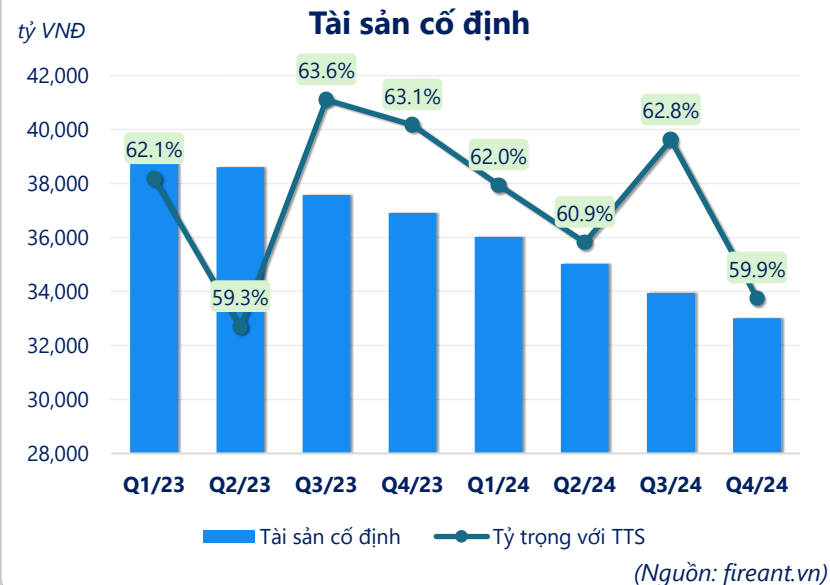
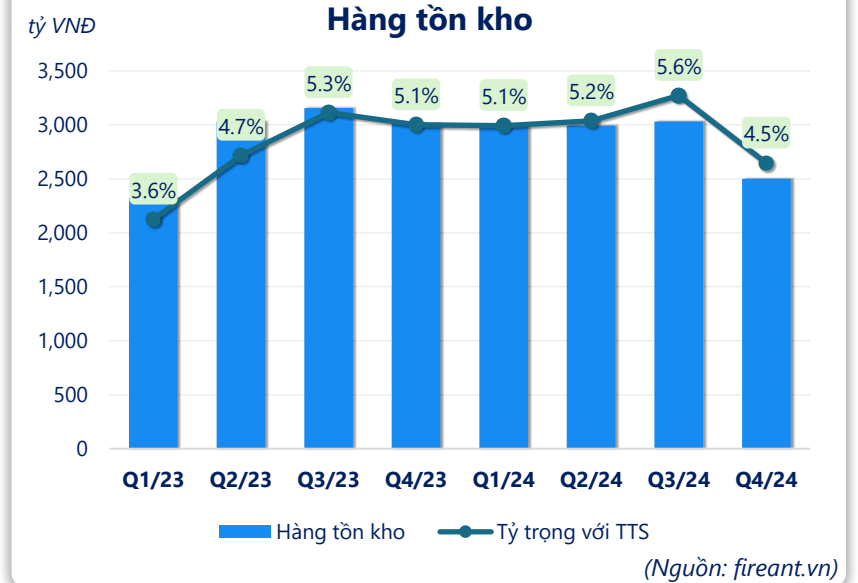
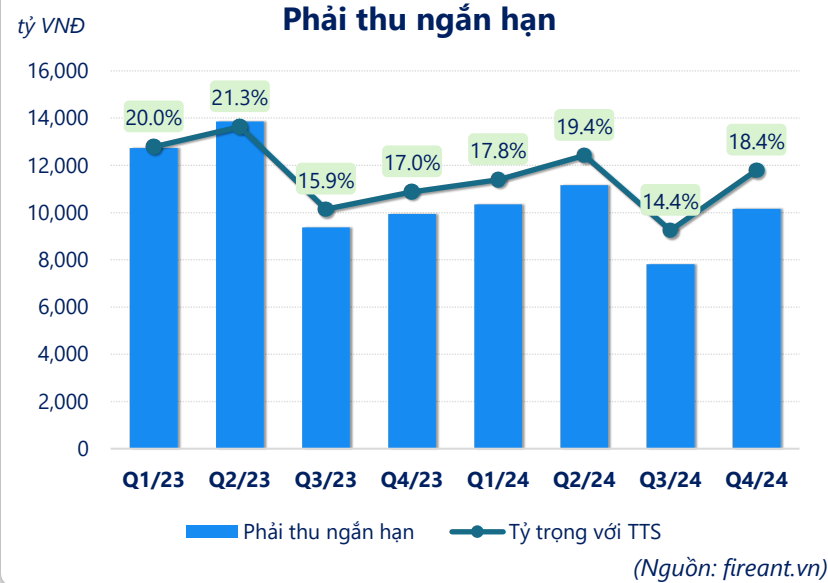
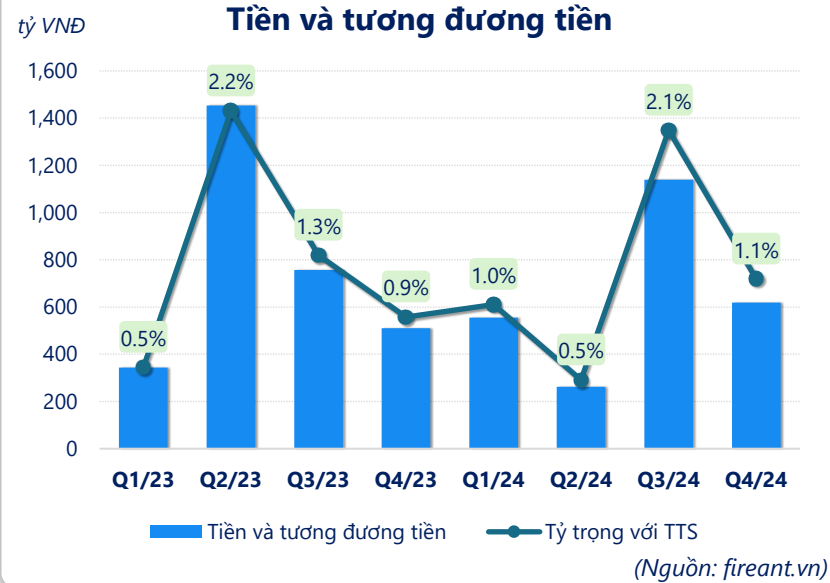
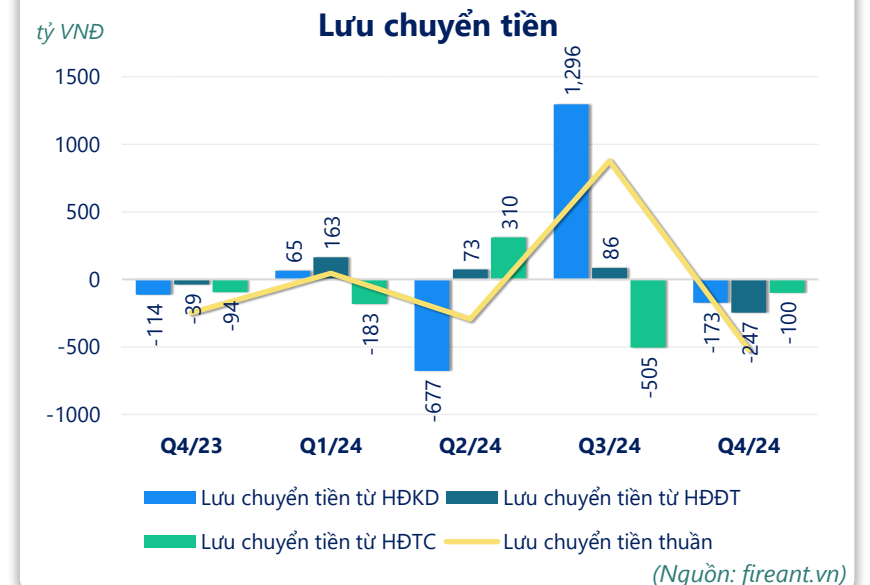
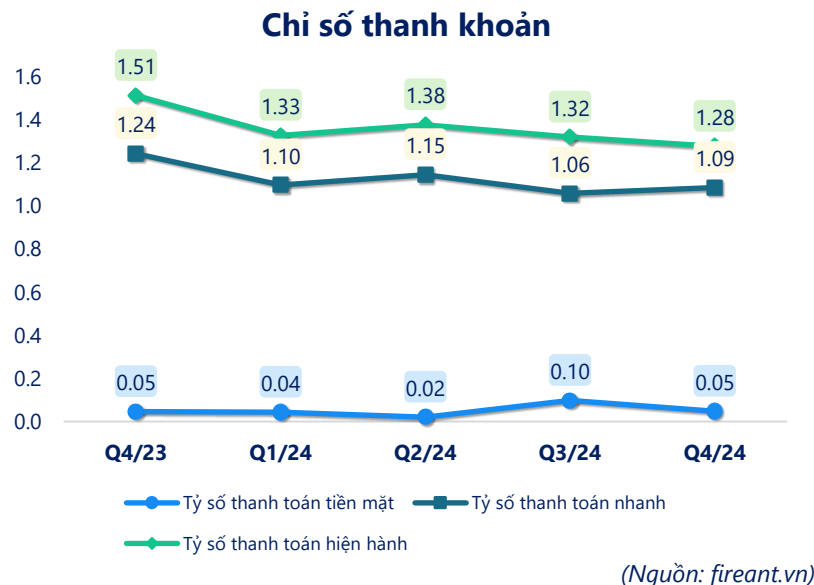
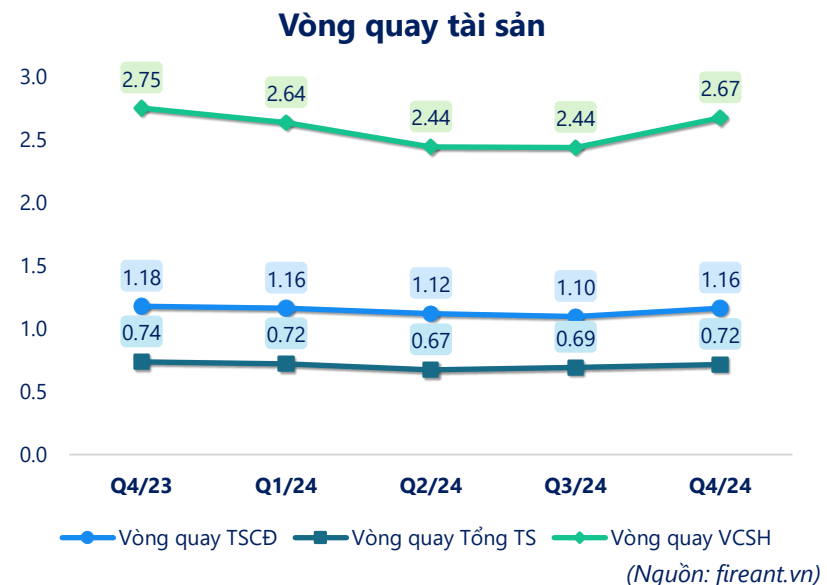
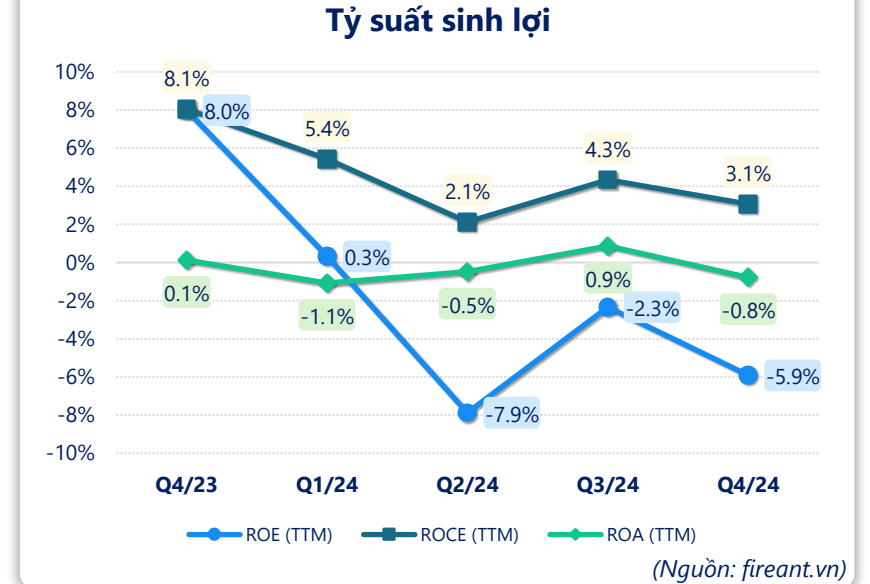
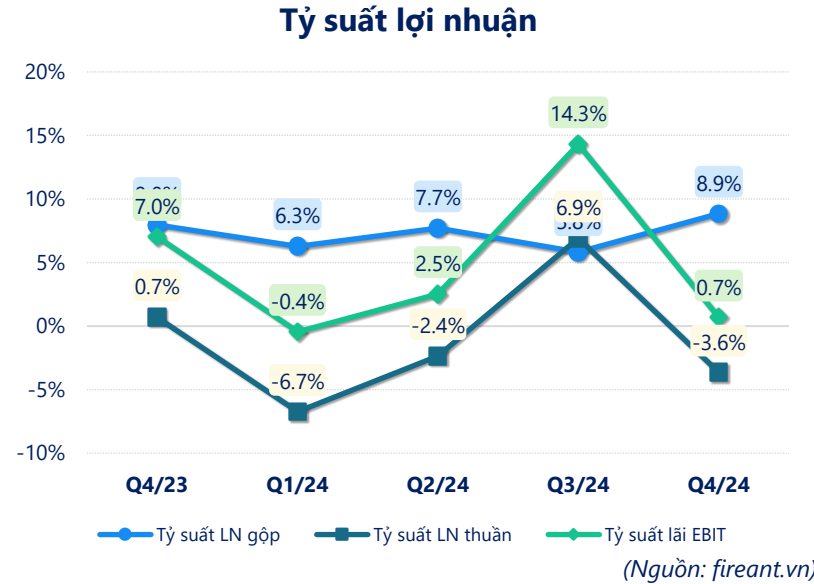
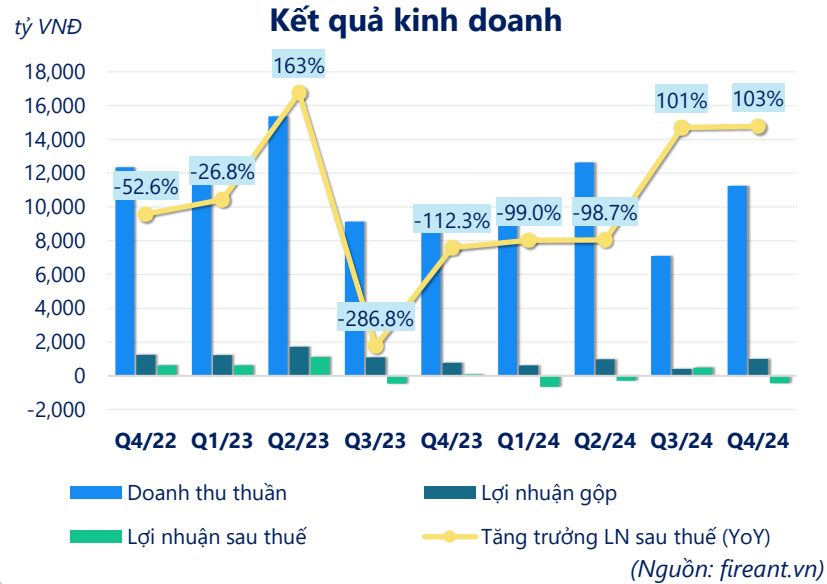


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		20,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,000
SL cổ phiếu LH		1,123,468,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,155
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		22,750
P/E		-25.3
EPS		-802

	YTD	1T	3T	6T
PGV		6.0%	-3.1%	-18.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	55,135	58,841	-6.3%
Tài sản ngắn hạn	16,702	16,977	-1.6%
Tiền và tương đương tiền	619	510	21.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,880	2,935	-1.9%
Phải thu ngắn hạn	10,162	9,977	1.9%
Hàng tồn kho	2,501	3,095	-19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	540	463	16.7%
Tài sản dài hạn	38,433	41,864	-8.2%
Phải thu dài hạn	3.66	3.58	2.2%
Tài sản cố định	33,015	37,113	-11.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	600	25.1	2290%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,547	2,521	1.0%
Tài sản dài hạn khác	2,268	2,202	3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	40,482	43,070	-6.0%
Nợ ngắn hạn	13,076	11,480	13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,362	5,335	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,612	4,101	36.8%
Nợ dài hạn	27,406	31,590	-13.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	26,533	30,675	-13.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	14,653	15,771	-7.1%
Vốn chủ sở hữu	14,653	15,771	-7.1%
Vốn điều lệ	11,235	11,235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	9,773	9,688	12,633	7,104	11,254
Giá vốn hàng bán	8,995	9,079	11,661	6,690	10,258
Lợi nhuận gộp	778	609	972	414	996
Doanh thu HĐTC	61.9	91.1	27.9	74.2	39.3
Chi phí TC	670	1,243	1,204	-146	1,307
Chi phí lãi vay	621	607	612	528	514
LN trong công ty LKLD	116	0	43.7	0	164
Chi phí bán hàng	0.07	0.04	0.05	0.04	0.03
Chi phí QLDN	218	109	138	144	303
LN thuần từ HĐKD	68.0	-652	-298	491	-410
Lợi nhuận khác	-2.75	1.98	5.73	-2.28	-27.7
LN trước thuế	65.3	-650	-292	488	-438
Lợi nhuận sau thuế	83.1	-652	-294	487	-439
LNST của CĐ cty mẹ	82.1	-655	-295	491	-442

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-114	64.7	-677	1,296	-173
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-38.7	163	73.1	85.9	-247
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-94.0	-183	310	-505	-100
Tiền đầu kỳ	757	510	555	261	1,139
Lưu chuyển tiền thuần	-247	44.8	-293	877	-520
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	510	555	261	1,139	619

(Nguồn: fireant.vn)